

**TỪ CƯ TRẦN LẠC ĐẠO PHÚ CỦA TRẦN NHÂN TÔNG,  
NHẬN BIẾT MỘT SỐ HIỆN TƯỢNG VỀ NGÔN NGỮ  
TRONG QUỐC ÂM THI TẬP CỦA NGUYỄN TRÃI**

**ThS PHẠM THI PHƯƠNG THÁI\***

*Cư trần lạc đạo phú* (CTLĐ) là một trong số ít bài văn Nôm xưa nhất còn giữ được. Bài tìm thấy nằm trong sách *Thiền tông bản hạnh*, do một nhà sư tu ở chùa Liên Hoa (Thăng Long) khắc in vào năm thứ 6 đời Cảnh Hưng triều Lê (1745). Căn cứ vào lời bạt trong sách, nhà nghiên cứu Hoàng Xuân Hãn cho rằng, bản in năm 1745 là do một thiền sư phái Trúc Lâm tu trên núi Yên Tử khắc in khoảng cuối thế kỉ XVII<sup>1</sup>. Cũng theo nhà nghiên cứu Hoàng Xuân Hãn thì chữ Nôm trong bản 1745 còn giữ được nhiều dạng cũ, ít bị qua nhiều tay sửa chữa<sup>2</sup>.

Bài văn được viết vào mấy năm cuối thế kỉ XIII, khi Trần Nhân Tông đã nhường ngôi vua cho con, làm thượng hoàng (1293), nhưng chưa xuất gia vào núi Yên Tử tu hành khổ hạnh (1299).

CTLĐ gồm 1623 chữ Nôm và bài kệ chữ Hán thất ngôn tuyệt cú. Nó chẳng những là chứng tích căn bản bổ sung vào khoảng trống tư liệu về văn Nôm đời Trần, mà còn giúp cho việc nhận biết một số hiện tượng ngôn ngữ trong văn bản *Quốc âm thi tập* (QÁTT) in năm 1868.

Trong QÁTT có một số từ Việt chỉ được dùng một lần và nhiều tác phẩm Nôm viết ở đời sau không còn thấy xuất hiện nữa. Như:

- *Dang* (âm Hán Việt: *duang*)<sup>3</sup> trong câu:

*Lành người đến dữ người dang.*

Nhiều bản trước đây phiên là *ruồng* hoặc *đuồng*. Nhưng *ruồng* hay *đuồng* thường được viết bằng bộ *thủy* + *dụng*.

- *Đụt lẩn* (âm Hán Việt: *đột lận*)<sup>4</sup> trong câu:

*Cửa quyền hiểm hóc chẳng đụt lẩn*

Có nơi phiên là *lọt lẩn* với nghĩa "luôn lọt", "lẩn lút", "lẩn quất". Nơi lại phiên là *lọt lẩn* và giải thích là "đi qua", "xuyên qua". Vì chữ *lọt* trong QÁTT, bài 30, 160, 193, đều được ghi theo lối giả tá, âm Hán Việt là *luật*, nên có nơi phiên là *đụt lận* và giải thích là "náu trốn", "núp trốn", "ẩn náu"... Vậy phiên và giải nghĩa thế nào là đúng?

- *Trằng trằng* (âm Hán Việt: *trừng trừng*)<sup>5</sup> trong câu:

*Ất đã trằng trằng nẻo thuở sinh*

-----

Có nơi phiên *trùng trùng* nghĩa tương tự như *trần trần* và giải thích là “*tự nhiên*”, “*chất phác*”, “*bám sinh như thể*”. Có nơi phiên *chùng chùng* với nghĩa là “*không biến chất*”, khác với *trần trần*, được hiểu là “*bất động*”, “*không thay đổi*”. Có nơi lại phiên là *rành rành*.

*xóc xóc* và giải thích là “*lúc lắc bên phải, bên trái*”, “*đảo lên lộn xuống như đánh xóc đĩa*”. Cũng có khi tuy phiên là *xóc xóc* nhưng lại hiểu là “*chăm chỉ, lo toan*”; nhiều nơi phiên là *xộc xộc* nhưng giải thích khác nhau: 1. “*xông vào*”, “*dấn vào*”; 2. “*vội vã*”.

- *Xộc xộc* (âm Hán Việt: *xúc xúc*)<sup>6</sup> trong câu:

*Đây xộc xộc nẻo tam cương*

Có nơi phiên *xong xóc* với nghĩa “*luôn luôn nhắc nhở*”. Nơi phiên là *chen chóc* (= ganh đua); nơi lại phiên

Bốn từ nói trên đều thấy trong văn bản *CTLĐ*. Để nhận biết có tính chất giả định nghĩa của mỗi từ khó ấy, có lẽ cần tìm xem giữa tác giả *CTLĐ* và tác giả *QATT* có gì đồng nhất về cách sử dụng.

Từ	Xuất xứ	Nghĩa giả định
<i>Dang</i>	<p>QATT: <i>Lành người đến dữ người dang, Yêu xạ vì nhân có mùi hương.</i> (Câu 1 - 2 bài 147)</p> <p>CTLĐ: <i>Rông Yên Lão nuốt càn khôn, ta xem chĩnh lệ; Rần Ông Tôn ngang thế giới, người thấy ắt dang.</i> (Câu 70)</p>	dời bỏ
<i>Đụt lắn</i>	<p>QATT: <i>Hiểm hóc cửa quyền chằng đụt lắn, Thanh nhàn án sách hãy đeo đai.</i> (Câu 3 - 4/6)</p> <p>CTLĐ: <i>Trong đạo nghĩa, rộng cơ quan, đã đụt lắn trường Kinh cửa Tổ; Lánh thị phi, ghê thanh sắc, ngại chơi bời dậm liễu đường hoa</i> (Câu 30)</p>	nặng lui tới
<i>Trằng trắng</i>	<p>QATT: <i>Trời phú tính, uốn nên hình, Ắt đã trằng trắng nẻo thuở sinh</i> (Câu 1 - 2/96)</p> <p>CTLĐ: <i>Lay ý thức chớ chấp trằng trắng</i> (Vế 107, câu 54)</p>	bám riết
<i>Xộc xộc</i>	<p>QATT: <i>Nẻo xưa nay cũng một đường, Đây xộc xộc nẻo tam cương.</i> (Câu 1 - 2 /93)</p> <p>CTLĐ: <i>Nén niềm vụng, mưa còn xộc xộc.</i> (Câu 54)</p>	dấn vào

## 2. Cụm từ cân đối

Trong văn thơ viết bằng chữ Nôm, Nguyễn Trãi là một tác giả hay dùng những cụm từ cân đối nhất. Có những cụm từ cân đối 6 chữ, như “*Nước đào giếng cơm cày ruộng*” (Bài 129 - *QẮTT*), “*Đen gần mực, đỏ gần son*” (Bài 193). Song phần lớn là cụm từ 4 chữ. Gọi là cụm từ cân đối, ngoài số chữ trong mỗi vế bằng nhau, còn yêu cầu phải “đối”, đối về thanh điệu và đối về từ loại. Hình thức cân đối khá đa dạng, ở đây chỉ xin nêu một vài dẫn chứng:

Về đối thanh:

a. Hai chữ vế sau cùng thanh nhưng trái thanh với hai chữ vế trước:

- “*Cốt lạnh hồn thanh*” (Bài 54)  
TT BB

- “*Đêm thanh nguyệt bạc*” (Bài 153)  
BB TT

b. Chữ thứ nhất vế trước đối chữ thứ nhất vế sau, chữ thứ hai vế trước với chữ thứ hai vế sau cũng vậy:

- “*Một cơm hai việc*” (Bài 173)  
TB BT

- “*Chân chạy cánh bay*” (Bài 73)  
BT TB

c. Trong trường hợp cụm từ có ba chữ cùng thanh thì chữ cuối của hai vế nhất thiết phải đối nhau:

- “*Đất phàm cõi tục*” (Bài 54)  
TB TT

- “*Ngồi nguyệt ngàn mai*” (Bài 118)  
BT BB

Về đối từ loại:

Danh từ + tính từ đối Danh từ + tính từ:

- “*Mồ hoang cỏ lục*” (Bài 121)

- “*Hùm oai muông mạnh*” (Bài 127)

Động từ + danh từ đối Động từ + danh từ:

- “*Phát cỏ ương sen*” (Bài 49)

- “*Vớt bèo cấy muống*” (Bài 69)

Lượng từ + danh từ đối Lượng từ + danh từ:

- “*Một cơm hai việc*”

- “*Hai thớ ba dòng*” (Bài 173)

Đáng chú ý trong các cụm từ cân đối 4 chữ ở *QẮTT* chỉ có thực từ, khác với cụm từ cân đối 6 chữ có trường hợp có cả hư từ như “*Mài chăng khuyết nhuộm chăng đen*” (Bài 69).

Trong việc tạo ra những cụm từ cân đối 4 chữ, tác giả *QẮTT* cũng hay dùng lối kết hợp chéo, tách từng tiếng kép ra thành hai, rồi lồng vào nhau làm thành một bộ, gọi là cụm từ kết hợp chéo cân đối, như “*Cày ruộng cuốc vườn*” (Bài 43), “*Khôn ngay khéo đầy*” (Bài 25, 172), “*Đường danh lối lợi*” (Bài 150). Có một số cụm từ cân đối, Nguyễn Trãi mượn từ văn liệu của Trung Quốc, nhưng thay đổi cách diễn đạt, như “*Điều bay cá nhảy*” (Bài 103) gốc từ chữ Kinh Thi “*Điều phi lệ thiên, ngư được ư uyên*” (= Điều hâu bay đến trời, cá nhảy ở vực sâu) hoặc “*Cày ăn đào uống*” (Bài 102) lấy từ *Tê thư* “*Tạc ẩm canh thực*”. Còn một số cụm từ cân đối đều có gốc từ ngôn

ngữ quen dùng của nhân dân được nhào nặn để làm thành thứ ngôn ngữ trau chuốt về ý nghĩa, âm thanh và nhịp điệu. Với những cụm từ cân đối, tác giả có thể diễn đạt một cách hình ảnh một cách xử sự đã thành thói quen, một lệ trong tự nhiên hoặc một niềm yêu thích hay chán ghét.

Sự ưa dùng trong cách thức tạo cụm từ cân đối của Nguyễn Trãi trong *QUATT* cũng thấy ở tác giả *CTLĐ*.

Cụm từ cân đối 6 chữ:

- "*Chơi nước biếc, ẩn non xanh*"  
(câu 4)

- "*Ngay thờ chúa, thảo thờ cha*"  
(câu 43)

Cụm từ 4 chữ đối thanh:

+ Kiểu a:

- "*Nguyệt bạc vầng xanh*" (câu 5)  
TT BB

- "*Mây ngang mũi dọc*" (câu 80)  
BB TT

+ Kiểu b:

- "*Liễu mềm hoa tốt*" (câu 5).  
TB BT

- "*The lọt duộc dừng*" (câu 40)  
BT TB

+ Kiểu c:

- "*Ngựa cao tán cả*" (câu 77)  
TB TT

- "*Đầm ấm qua mùa*" (câu 32)  
BT BB

Trong *CTLĐ* ta cũng gặp những cụm từ kết hợp chéo cân đối như:

- "*Châu yêu ngọc quý*" (câu 3)

- "*Dặm liễu đường hoa*" (câu 30)

- "*Núi hoang rừng quạnh*" (câu 77)

- "*Chiền vắng am thanh*" (câu 77).

Như vậy việc dùng cụm từ cân đối đã thành lệ thường trong văn Nôm có trước *QUATT* hơn một thế kỉ.

### 3. Câu thơ thất ngôn có nhịp cuối là nhịp chẵn

Như mọi người đều biết, làm thơ bằng tiếng Việt, Nguyễn Trãi đã dựa theo thể thơ thất ngôn Đường luật, nhưng có cải biến. Một trong những cải biến nổi bật là đưa vào bài tám câu hoặc bài bốn câu những câu thơ thất ngôn có nhịp cuối là nhịp chẵn, dùng xen với câu thơ thất ngôn Đường luật, ngắt nhịp 4 - 3 hoặc 2 - 2 - 3. Thí dụ:

Bài 75:

1. *Thiếu niên trường ốc tiếng hư bay,*

2. *Phải lụy vì danh đã hổ thay.*

3. *Áng cúc thông - quen vậy bạn bạn,*

4. *Cửa quyền quý - ngại lợm chân tay.*

5. *Qua đời cảnh - chép câu đời cảnh,*

6. *Nhàn một ngày - nên quyền một ngày.*

7. *Tuổi đã năm mươi đầu đã bạc,*

3. *Ấy còn bìu rịn lấy chi vay.*

(Các câu 3, 4, 5, 6 có nhịp cuối là nhịp chẵn).

Bài 207:

1. *Thương cảnh vì nhân cảnh  
hữu tình,*

2. *Hướng chi người lạ cảnh hoà  
thanh.*

3. *Xuân ba tháng - thì thu ba  
tháng,*

4. *Hoa nguyệt đơn dùng mấy  
phát lành.*

(Câu 3, nhịp cuối là nhịp chẵn)

Hiện chưa rõ câu thất ngôn ngắt nhịp 3 - 4 xuất hiện trong văn thơ Nôm khi nào, chỉ biết nó đã từng được dùng ở bài thơ chữ Hán của Trần Thánh Tông (1240 - 1290) viết vào năm 1289 và được ghi lại trong *Đại Việt sử kí toàn thư*:

1. *Cảnh thanh u - vật diệc thanh u,*

2. *Thập nhất tiên châu thử  
nhất châu.*

3. *Bách bộ sinh ca cầm bách  
thiệt,*

4. *Thiên hàng nô bộc quát thiên  
đâu.*

5. *Nguyệt vô sự - chiếu nhân  
vô sự,*

6. *Thuỷ hữu thu - hàm thiên  
hữu thu.*

7. *Tử hải dĩ thanh trần dĩ tình,*

8. *Kim niên du - thắng tích niên  
du.*

(Các câu 1, 5, 6, 8 ngắt nhịp 3-4)

Hơn 10 năm sau, câu thất ngôn có nhịp cuối là nhịp chẵn cũng được dùng khá nhiều trong *CTLĐ*. *CTLĐ* có 104 câu thất ngôn, trong đó:

Hai câu ngắt nhịp 4 - 3 đặt liền với hai câu ngắt nhịp 3 - 4:

*Lưỡi gương Lâm Tế - nạng Bí  
Ma, trước nạp tảng - no dẫu tự tại;*

*Sư tử ông Doan - trâu Thâu  
Hữu, răn đàn Việt - hươm sá nghênh  
ngang. (Hội thứ chín)*

Hai câu ngắt nhịp 2 - 5:

*Nội ngoại - nên Bồ Tát trang  
nghiêm;*

*Đi đố - mới trượng phu trung  
hiếu (Hội thứ sáu)*

Như vậy, *CTLĐ* có 100 câu thất ngôn có nhịp cuối là nhịp chẵn

Ngắt nhịp 3 - 4:

*Nhân khuây vốn - nên ta tìm  
Bụt;*

*Đến cốc hay - chửi Bụt là ta.  
(Hội thứ năm)*

*Đốt hoại bỏ - rừng tà - ngày  
trước;*

*Quét cho không - tính thức -  
thuở nay. (Hội thứ bảy)*

Ngắt 2 - 3 - 2:

*Lạc lòi - nên thiên khách - bơ vơ;*

*Cứng cát - phải nạp tảng - khôn  
kháo (Hội thứ sáu)*

*CTLĐ* viết theo thể biến phú. Trừ lời mào đầu, mỗi câu gồm một cặp hai vế đối ngẫu, đối thanh điệu và đối tự loại. Có một số chỗ không nhiều, đối chưa được cân, như câu:

*Quả bỏ để một đêm mà chín;*

*Hoa ưu đàm mấy kiếp đơm bông  
(Hội thứ sáu)*

Đó là điều thường thấy trong nhiều bài biên phú. Ở Trung Quốc, thể biên phú có từ thời Lục Triều (420 - 581). Khởi đầu biên phú chuyên dùng loại câu có hai vế đối ngẫu, mỗi vế 4 chữ hoặc 6 chữ. Thể phú đến cuối thời Lục Triều có "xu thế thi ca hoá"<sup>7</sup> đưa những câu thơ ngũ ngôn, câu thơ thất ngôn dùng xen với những câu 4 chữ, 6 chữ. Như bài *Xuân phú* của Diêu Tín, mở đầu bằng những câu:

*Nghi Xuân uyển trung xuân  
dĩ quy,*

*Phi Hương điệu lí tác xuân y.*

*Tân niên điệu thanh thiên chủng  
chuyển,*

*Nhị nguyệt dương hoa mãn lộ  
phi*<sup>8</sup>.

Cuối bài lấy những câu thất ngôn làm kết, giữa bài cũng có câu thất ngôn xen với những câu 4 chữ, 6 chữ... Những câu thơ thất ngôn dẫn bên trên, theo truyền thống Trung Quốc chỉ có lối ngắt để nhịp cuối là một nhịp lẻ 4 - 3 hoặc 2 - 2 - 3.

*CTLĐ* viết theo thể biên phú và cũng đưa câu thất ngôn dùng xen với những câu 4 chữ, 6 chữ. Chỉ khác là hầu hết các câu thất ngôn đều dùng lối ngắt để nhịp cuối là một nhịp chẵn 3 - 4 hoặc 2 - 3 - 2.

Tuy nhiên có điều đáng băn khoăn là câu thất ngôn trong biên văn, cùng với lối ngắt nhịp 3 - 1 - 3, 2 - 5, còn có lối ngắt nhịp khiến nhịp cuối cũng là nhịp chẵn:

Ngắt 3 - 4:

*Lục Sĩ Hoàn - văn nhi phủ  
chường,*

*Trương Bình Tử - kiến nhi lậu  
chi.*

(Diêu Tín, *Tựa Ai Nam Giang  
phú*)

Ngắt 4 - 1 - 2:

*Đô đốc Diêm Công - chi - nhā  
vọng, khải kích lâm dao;*

*Vũ Văn tân châu - chi - ý phạm,  
xiêm duy tam trú.*

(Vương Bột, *Tựa Đằng Vương  
Các*).

Ngắt 2 - 3 - 2:

*Lạc hà - dữ cô lộ - tề phi;*

*Thu thủy - cộng trường thiên -  
nhất sắc.*

(Vương Bột, *Tựa Đằng Vương  
Các*)

Ngắt 5 - 2:

*Sơn xuyên chi phong vực - kí  
thù;*

*Nam Bắc chi phong tục - diệp di.*

(Nguyễn Trãi, *Bình Ngô đại cáo*)

Thực ra câu thất ngôn trong *CTLĐ* phân nhiều không phải được hình thành giống như câu thất ngôn ở biên văn. Tuy đều có nhịp cuối là nhịp chẵn, nhưng câu thất ngôn ở biên văn chính là do câu 6 chữ được thêm vào một chữ mà thành và chữ được thêm thường là hư tự<sup>9</sup>. Những hư tự này ít được dùng trong thơ. Còn sự hình thành số lớn câu thất ngôn trong *CTLĐ* như đã dẫn ở trên, thì không phải là như vậy.

Lỗi ngắt nhịp trong câu thất ngôn trong *Vịnh Hoa Yên tự phú* của Huyền Quang (1254 - 1314), không khác *CTLĐ*. Với ngọn bút tài hoa của "*Trạng nguyên tăng*", nhiều câu phú mang vẻ đẹp của thơ:

*Thấy đây:*

*Đất tựa vàng liền;*

*Cảnh bằng ngọc đúc.*

*Mây năm thức che phủ đến  
Nghêu;*

*Núi nghìn tầng quanh co đường  
Thục.*

...

*Chim ốc bọ cần hoa nâng cúng;*

*Vườn bông con kê cửa nghe kinh.*

*Nương am vắng Bụt hiện từ  
bi, gió hiu hiu mây nhẹ nhẹ;*

*Kề song thưa thầy ngòi thiền  
định, trăng vặc vặc núi xanh xanh.*

Lỗi ngắt nhịp câu thất ngôn trong hai bài phú Nôm đời Trần cũng có thể xem là tiền lệ đối với việc tác giả *QATT* đã tạo ra nhiều câu thất ngôn có nhịp cuối là nhịp chẵn nhất là những câu không ở vị trí đối ngẫu như:

- *Phú quý lòng - hơn phú quý  
danh* (câu 1 bài 83).

- *Tôi Đường Ngu - ở đất Đường  
Ngu* (câu 8 bài 43)

Nguyễn Trãi sống vào cuối đời Trần khi mà nhiều sáng tác văn thơ Nôm thời này vẫn đang được lưu giữ. Vì vậy, làm thơ bằng tiếng Việt, tự nhiên ông có điều kiện nối tiếp dòng văn Nôm khởi đầu từ thế

kỉ XIII. Mối liên hệ của *QATT* với văn Nôm đời Trần còn có những khía cạnh khác cần tìm hiểu. Trong bài viết này, với hiểu biết còn hạn chế, chúng tôi chỉ mong nói lên được điều nhận biết của bản thân: Làm thơ bằng tiếng Việt, Nguyễn Trãi đã rất coi trọng việc thu nhận và phát huy thành tựu của văn thơ Nôm đời Trần, mà *CTLĐ* là tác phẩm mang giá trị tiêu biểu.

## CHÚ THÍCH

<sup>1</sup> Xem bài Văn Nôm và chữ Nôm đời Trần, trong sách *La Sơn Yên Hồ Hoàng Xuân Hãn, Tập 3, Nxb GD, 1998, tr. 1087.*

<sup>2</sup> *Sđd, tr. 1111.*

<sup>3</sup> Theo Paul Schneider trong Nguyễn Trãi và Quốc âm thi tập, *Trung tâm quốc gia nghiên cứu khoa học, Paris, 1987, tr. 147.*

<sup>4</sup> Theo Paul Schneider, *Sđd, tr. 57.*

<sup>5</sup> Theo Hoàng Xuân Hãn, *Sđd, tr. 1123.*

<sup>6</sup> Theo Paul Schneider, *Sđd, tr. 530.*

<sup>7</sup> Xem Cổ đại Hán ngữ - Vương Lực chủ biên, *Trung Hoa thư cục, Bắc Kinh, 1964, tr. 1298.*

<sup>8</sup> *Tạm dịch:*

*Trong vườn Nghi Xuân, xuân  
đã về,*

*Nơi điện Phi Hương sắm áo xuân.*

*Năm mới tiếng chim nghìn giọng  
hót,*

*Tháng hai hoa dương bay ngập  
đường.*

<sup>9</sup> *Cổ đại Hán ngữ, Sđd, tr. 1171.*